TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST Ngày: 22-01-2021 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tư;
- Ông Nguyễn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp MB, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp BT, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Lê Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 2015, đến ngày 01-3-2016 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm nên cự cãi nhau nhiều, làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Vì không muốn gia đình đổ vỡ, ảnh hưởng đến cuộc sống của con nên chị cố gắng dung hòa với chồng nhưng chẳng những không có kết quả mà còn mâu thuẫn thêm trầm trọng. Do không thể chung sống được nữa nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6-2020 đến nay. Nay chị và anh L đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm vợ chồng nên yêu

cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Huỳnh Thanh H, sinh ngày 06-10-2016, hiện chị đang nuôi dưỡng nên yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H sau khi ly hôn. Chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được 01 căn nhà cấp 4 có giá trị khoảng 200.000.000 đồng; 01 xe mô-tô Exciter 150 có giá khoảng 30.000.000 đồng. Nay chị không yêu cầu Tòa giải quyết, rút lại yêu cầu khởi kiện phần này.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Huỳnh Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Ngọc H và anh Huỳnh Văn L tranh chấp về ly hôn; anh L cư trú tại ấp BT, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Huỳnh Văn L không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Lê Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh L, chị H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc H và anh Huỳnh Văn L là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 01-3-2016. Từ khi về chung sống với nhau từ năm 2015, vợ chồng chị H sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2019 thì phát mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Theo chị H thì vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn và đã sống ly thân từ tháng 6-2020 đến nay mà không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Anh L không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh L đã không còn quan tâm đến hôn nhân của anh và chị H và tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình" và "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị H và anh L đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:

Giữa chị H và anh L có 01 con chung là cháu Huỳnh Thanh H, sinh ngày 06-10-2016, hiện cháu đang sống với chị H. Phía anh L không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị H yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1.500.000 đồng. Phía anh L không có ý kiến gì phản đối xem như tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Xét yêu cầu của chị H là phù hợp theo quy định của pháp luật và nhu cầu thực tế để nuôi con nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc H là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí về ly hôn; phía anh L phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, và các điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Chị H có quyền khởi kiện lại vụ án về phần này.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc H về yêu cầu ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn với anh Huỳnh Văn L.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Lê Thị Ngọc H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thanh H, sinh ngày 06-10-2016 sau khi ly hôn. Anh Huỳnh Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng

1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng, cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Huỳnh Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được nhận lại tiền tạm ứng án phí về chia tài sản. Chị H đã nộp 3.175.000 đồng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005969 ngày 13-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, được trừ vào án phí nên còn được nhận lại 2.875.000 (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Huỳnh Văn L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ngọc H, anh Huỳnh Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TB, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực